

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 5 -2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Trần Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn
2. Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Ông Mai Văn Thông- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 2692/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 71/5D, tổ 8, khu phố 1, phường T, TP. B, Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Kỹ L, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 71/5D, tổ 8, khu phố 1, phường T, TP. B, Đồng Nai.

(Bà H, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

Bà và ông L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1994 tại UBND thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng

sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2015 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Nay tình cảm của bà giành cho ông L không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung là Nguyễn Hà Bắc, sinh ngày 24/11/1994 và Nguyễn Thị Phương Anh, sinh ngày 28/02/2003. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương Anh, tạm thời không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Bắc đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà bận việc nên không thể tham gia việc xét xử. Đề nghị Tòa án cho bà vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Kỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa bà H ông L phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H; giao con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Hà B đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung bà H trình bày tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thu H khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Nguyễn Kỹ L hiện đang trú tại: Số 71/5D, tổ 8, khu phố 1, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông L đầy đủ, tuy nhiên ông L vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà H và ông L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1994. Căn cứ vào Điều 5 và Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1996 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông L có xảy ra hay không thì địa phương không nắm được vì bà H và ông L không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L đến Tòa để làm việc, dự phiên họp về Tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai ông bà có điều kiện gặp gỡ thỏa thuận, đoàn tụ nhưng ông L không đến. Điều này chứng tỏ bà H và ông L không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông L.

[4] **Về con chung:** Bà H và ông L có 02 con chung là Nguyễn Hà Bắc, sinh ngày 24/11/1994 và Nguyễn Thị Phương Anh, sinh ngày 28/02/2003. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương Anh. Đối với cháu Bắc đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Phương Anh cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, giao cháu Nguyễn Thị Phương Anh cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm thời ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] **Về tài sản chung:** Bà H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] **Về nợ chung:** Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] **Về án phí:** Bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 5, Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1996; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H. Bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Kỹ L.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Hà B đã thành niên và có khả năng lao động, không xem xét giải quyết. Giao cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 28/02/2003 cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Kỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của ông Nguyễn Kỹ L.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo phiếu thu số 0007646 ngày 23/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà H đã nộp xong án phí.

Bà Trần Thị Thu H, ông Nguyễn Kỹ L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS thành phố Biên Hòa;
- UBND TT Hương Khê, H. Hương Khê,
- T. Hà Tĩnh (số ĐKKH 11, ngày 02/3/1994);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải